| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 89/2026/HS-ST
Ngày 08-5-2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân*:* Ông Đào Mạnh Nam và ông Phạm Văn Thuần.

*- **Thư ký phiên tòa**:* Ông Nguyễn Trọng Thể - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

*- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa**:* Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QD – HPT ngày 29/4/2026 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn C**, sinh ngày 17/11/1996 tại xã Đ, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú*:* thôn A, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; số CCCD: 034096014493; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 (đã chết) và bà Mai Thị N1, sinh năm 1968, trú cùng địa chỉ. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12 nghỉ học ở nhà, lao động tự do. Bản án số 52/2016/HSST ngày 31/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên) xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Dâm ô đối với trẻ em (chấp hành xong thời gian thử thách án treo ngày 28/02/2019, nộp xong án phí vào tháng 10/2016). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, C an tỉnh Hưng Yên.

**2. Nguyễn Văn H**, sinh ngày 25/11/1997 tại xã Đ, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú*:* thôn A, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; số CCCD: 03409701162; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N, sinh năm 1966 và bà Mai Thị T2, sinh năm 1969, trú cùng địa chỉ. Bị cáo có vợ là Lương Thị N2, sinh năm 2003, trú tại thôn A, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Bị cáo có 01 con, sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân:

Tháng 02/2016 đến tháng 01/2028, tham gia nghĩa vụ quân sự tại đơn vị Bộ tham mưu, Quân chủng Hải Quân. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, C an tỉnh Hưng Yên.

**3. Lê Xuân K**, sinh ngày 25/01/1995 tại xã T, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên; số CCCD: 034095016298; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê C Khánh, sinh năm 1947 và bà Tống Thị Mý, trú cùng địa chỉ. Bị cáo có vợ Đoàn Thị H (đã ly hôn). Bị cáo có 01 con, sinh năm 2017, hiện đang ở cùng bị cáo C. Tiền án: Bản án số 58/2020/HS-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên) xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/5/2024, nộp xong án phí ngày 17/7/2021). Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 11/2012/HSST ngày 20/02/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai) xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (nộp xong án phí ngày 14/01/2013). Bản án số 87/2012/HSST ngày 15/8/2012 của Tòa án nhân dân Hện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên) xét xử về tội Trộm cắp tài sản xử phạt 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 11/2012/HSST ngày 20/02/2012, hình phạt chung 02 năm 03 tháng tù (nộp xong án phí ngày 29/10/2012; chấp hành xong hình phạt tù tháng 9/2013). Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11 ngày 07/11/2010 của C an xã Thụy Hà xử phạt về hành vi Trộm cắp tài sản (hình phạt cảnh cáo). Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 09/12/2025, đến ngày 18/12/2025 cHển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Tiền Hải, PC11B, C an tỉnh Hưng Yên.

*Cả 03 bị cáo được dẫn giải có mặt tại phiên Tòa.*

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Vũ Đình D, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt)

- Anh Bùi Hữu H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

*** Người chứng kiến:**

- Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1962; (Vắng mặt)

- Ông Vũ Quang T3, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 08/12/2025, Nguyễn Văn H đang ở nhà tại thôn A, xã Đ, tỉnh Hưng Yên thì nhận được tin nhắn trên ứng dụng Messenger của Trần Văn C với nội dung: "*M có mượn đâu đc xe ko làm túi 5 2 thằng cưa*", H hiểu ý của C là rủ H góp tiền và mượn xe để đi mua 500.000 đồng tiền ma túy về cả hai cùng sử

dụng. H đồng ý, định góp 200.000 đồng nhưng bản thân H muốn mua 1.000.000 đồng tiền ma túy để cả hai sử dụng được lâu và không mất C đi mua thêm, C nhất trí, cả hai thống nhất mỗi người góp 500.000 đồng để mua ma túy. Do H chỉ có 200.000 đồng nên bảo C chờ H đi vay thêm 300.000 đồng cho đủ nhưng H không vay được ai nên cả hai thống nhất mua 500.000 đồng tiền ma túy bằng tiền của C trước, rồi nếu tối H có tiền thì tính sau. Cả hai thống nhất hẹn nhau khoảng 17 giờ cùng ngày đến nhà C tại thôn A, xã Đ, tỉnh Hưng Yên để cùng nhau sử dụng ma túy. Do H có việc bận nên C bảo để C đi mua ma túy. Đến khoảng 14 giờ 30 phút, C sử dụng tài khoản messenger nhắn tin cho anh Vũ Đình D, để mượn xe nhưng không nói là đi đâu, anh D đồng ý và bảo C phải đổ xăng thì mới đi được. Do C chỉ còn 500.000 đồng để đi mua ma túy nên C nhắn tin cho H bảo H cHển tiền cho C để đổ xăng xe máy đi mua ma túy. H sử dụng tài khoản số 94225111997 ngân hàng TPBank mang tên NGUYEN VAN H cHển 200.000 đồng đến số tài khoản 108879191345 ngân hàng VIETINBANK mang tên TRAN VAN CONG và dặn C mua nước, bánh mỳ để ăn, uống trong quá trình sử dụng ma túy. Do xe máy của anh D đang để tại quán bia nhà anh Phạm H T4, sinh năm 1989, thuộc thôn C, xã Đ, tỉnh Hưng Yên nên anh D bảo C đến đó lấy xe. Vì không có xe nên C nhờ anh D qua nhà C chở C đến quán anH T3 để lấy xe mô tô. Sau khi mượn được xe của anh D, C dùng số tiền H cHển để đi đổ xăng và nạp tiền điện thoại của C.

Sau khi nạp tiền điện thoại, khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày, C gọi điện cho Lê Xuân K hỏi mua 500.000 đồng ma tuý đá. K đồng ý và C chuyển số tiền 500.000 đồng từ tài khoản của C số 9971404596 ngân hàng Vietcombank mang tên TRAN VAN CONG tới số tài khoản 1225011995 ngân hàng TECHCOMBANK mang tên LE XUAN KHOI. K hẹn C đến khu vực cống Ngoại thuộc thôn số 1, xã T, tỉnh Hưng Yên để đưa ma túy. C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu ANGEL, biển kiểm soát 17B1-678.73 mượn của anh D một mình đến khu vực vòng xuyến gần quán karaoke 123 (gần cống Ngoại), thuộc thôn 1, xã T, tỉnh Hưng Yên. Tại đây, K vứt 01 túi ma túy, loại Methamphetamine xuống vệ đường và chỉ cho C đến nhặt rồi K đi về.

Mua ma túy xong, C cầm ma túy đi về nhà của mình rồi đi lên phòng ngủ trên tầng 2, C lấy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy C chuẩn bị từ trước và lấy một ít ma túy vừa mua được ra sử dụng trước. Đến khoảng 16 giờ, C nhắn tin cho H để hỏi H về chưa, H hiểu ý C là đã mua được ma túy và bảo H sang nên H bảo C: "*Về rồi, đợi tý t qua*". Khoảng 20 phút sau, H đi bộ từ nhà đến nhà C và đi lên phòng ngủ trên tầng hai của C. C dùng bật lửa đốt nóng chiếc cóng bằng thủy tinh, bên trong có sẵn ma túy, C và H thay nhau sử dụng. Khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày, khi C và H đang sử dụng ma túy thì tổ C tác của C an xã Đ, tỉnh Hưng Yên vào kiểm tra hành chính, phát hiện trên nền nhà, vị trí trước mặt C và H 01 túi nilon có mép cài gờ màu xanh, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt; 02 chiếc bật lửa ga bằng nhựa trong đó 01 chiếc đầu ra gas gắn 01 ống có một đầu bằng kim loại, một đầu bằng nhựa; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế gồm 01 vỏ chai bằng nhựa trong suốt bên trong chứa nước, 01 nắp chai bằng nhựa màu trắng, mặt nắp có đục 02 lỗ trong đó 01 lỗ gắn 01 ống thủy tinh trong suốt một đầu hình cầu có lỗ tròn bên trong có bám dính chất màu đen, 01 lỗ gắn 01 ống hút màu trắng. Tổ C tác đã mời anh Vũ Văn Thắng và ông Bùi Văn T2 đến chứng kiến, lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng và niêm phong: 01 ống thủy tinh bên trong có bám dính chất màu đen (mẫu M2); 01 túi nilon có mép

cài gờ màu xanh, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt (mẫu M1). Sau đó, tổ C tác đã đưa C, H về trụ sở C an xã Đ để làm việc.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Hưng Yên tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn C không thu giữ gì.

Đối với Lê Xuân K, quá trình điều tra xác định: Khoảng đầu tháng 12/2025, K đi đến khu vực chân cầu Phao sông Hóa, thuộc địa phận xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Tại đây, K gặp và mua của một người nam giới khoảng 40 tuổi, không biết tên và địa chỉ 02 túi ma túy, loại Methamphetamine với giá 1.000.000 đồng. Số ma túy mua về, K chia ra làm 02 túi, cất giấu với mục đích để bán kiếm lời. Đến khoảng 14 giờ 40 phút ngày 08/12/2025, khi C gọi điện hỏi K để tìm chỗ mua ma túy thì K nói là K có bán ma tuý và bán cho C 500.000 đồng. Số tiền bán ma tuý cho C, K đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Hưng Yên tiến hành triệu tập K để làm việc, K đã tự giác giao nộp 01 túi ma túy (niêm phong mẫu M6), loại Methamphetamine, khối lượng 0,2626 gam. K khai nhận đây là số ma túy K mua về cất giấu với mục đích bán kiếm lời.

Ngày 09/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Hưng Yên tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Xuân K không thu giữ gì.

Tại Bản kết luận giám định số 1887/KL-KTHS ngày 12/12/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự C an tỉnh Hưng Yên kết luận: "Mẫu M1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1904 gam (Không phẩy một nghìn chín trăm linh bốn gam). Chất màu đen bám dính trong Mẫu M2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng bám dính. Mẫu M6 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2626 (Không phẩy hai nghìn sáu trăm hai mươi sáu gam). *Methamphetamine STT: 247 Danh mục IIC phục lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/08/2022 và Nghị định 90/2024/NĐ-CP ngày 17/7/2024 của Chính phủ*."

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn H, Lê Xuân K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến gì về kết luận giám định nêu trên.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKSTT ngày 23/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên đã truy tố các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn H về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Xuân K về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã kết luận. Anh Vũ Đình D xác nhận đã nhận lại tài sản và không có ý kiến đề nghị gì khác. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về tội danh: Bị cáo Lê Xuân K phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn H phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Xuân K từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 03 năm 06 tháng tù đến 03 năm 09 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụngtại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tố tụng, của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền,trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến đề nghị, khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận: Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 08/12/2025, tại nhà ở của Trần Văn C thôn A, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Trần Văn C và Nguyễn Văn H có hành vi tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma tuý, loại Methamphetamine thì bị tổ C tác C an xã Đ, tỉnh Hưng Yên phát hiện. Trong đó: Trần Văn C là người K xướng việc tổ chức sử dụng ma túy, góp tiền, đi mua ma túy, chuẩn bị dụng cụ, bỏ ma túy và đốt cóng ma túy; Nguyễn Văn H là người bàn bạc thống nhất, góp tiền để C mua ma túy, đổ xăng xe mô tô để C đi mua ma túy về cùng sử dụng.

Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 08/12/2025, tại khu vực cống Ngoại thuộc thôn số 1, xã T, tỉnh Hưng Yên; Lê Xuân K có hành vi bán trái phép cho Trần Văn C 01 túi ma túy loại Methamphetamine khối lượng 0,1904 gam với giá 500.000 đồng. Ngoài ra K còn có hành vi cất giấu 0,2626 gam ma túy loại Methamphetamine mục đích bán kiếm lời. Tổng khối lượng ma túy loại Methamphetamine K đã bán và cất giấu để bán là 0,4530 gam. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản sự việc lập hồi 17 giờ 00 phút ngày 08/12/2025 tại nhà ở của Trần Văn C, thuộc

thôn A, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; Biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 07 giờ 15 phút ngày 09/12/2025, kèm sơ đồ hiện trường; Biên bản xác định hiện trường lập hồi 08 giờ 50 phút ngày 09/12/2025 tại đường 3/2, thuộc địa phận thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu lập ngày 08/12/2025 tại nhà ở của Trần Văn C, thuộc thôn A, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu lập hồi 20 giờ 30 phút ngày 08/12/2025 tại trụ sở C an xã Đ; Biên bản làm việc kiểm tra, khai thác điện thoại di động và ảnh chụp màn hình nhật ký cuộc gọi, tin nhắn điện thoại di động của Lê Xuân K; Biên bản làm việc kiểm tra, khai thác điện thoại di động và ảnh chụp màn hình giao dịch cHển khoản, tin nhắn messenger, nhật ký cuộc gọi và tin nhắn điện thoại di động của Trần Văn C; Biên bản làm việc kiểm tra, khai thác điện thoại và ảnh chụp màn hình tin nhắn trên ứng dụng Messenger, lịch sử chuyển tiền trên ứng dụng ngân hàng của Nguyễn Văn H; C văn trả lời ngày 04/3/2026 của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) về thông tin tài khoản, sao kê giao dịch trong ngày 08/12/2025 của số tài khoản 9971404596 tại ngân hàng Vietcombank chủ tài khoản Trần Văn C, sinh năm 1996, trú tại thôn A, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; C văn trả lời ngày 09/3/2026 của ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) về thông tin tài khoản, sao kê giao dịch trong ngày 08/12/2025 của số tài khoản 1225011995 tại ngân hàng Techcombank chủ tài khoản Lê Xuân K, sinh năm 1995, trú tại thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên; Bản kết luận giám định số 1887/KL-KTHS ngày 12/12/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự C an tỉnh Hưng Yên; Bản kết luận giám định số 1888/KL-KTHS ngày 12/12/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự C an tỉnh Hưng Yên; Biên bản ghi lời khai người chứng kiến: ông Bùi Văn T2 và anh Vũ Quang T3; Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Vũ Đình D và anh Tạ Bá Tuân, anh Bùi Văn Hoàng và bà Bùi Thị Liễu.

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn H phạm vào tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Lê Xuân K phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

**Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy**

*"**1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm**.*

*...*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm C việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".*

**Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy**

*"1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.*

....

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."*

[3] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội mặc dù các bị cáo có sự rủ rê, lôi kéo nhưng không có sự bàn bạc, phân C câu kết chặt chẽ với nhau. Bị cáo Trần Văn C là người K xướng việc tổ chức sử dụng ma túy, góp tiền, đi mua ma túy, chuẩn bị dụng cụ, bỏ ma túy và đốt cóng ma túy; Nguyễn Văn H là người bàn bạc thống nhất, góp tiền để C mua ma túy, đổ xăng xe mô tô để C đi mua ma túy về cùng sử dụng.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn H có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, có ông ngoại được tặng Huân chương hạng ba trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Xuân K phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà còn xâm phạm đến an ninh, trật tự C cộng và an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo C là người K xướng và có nhân thân xấu nên khi quyết định hình phạt cần xử phạt bị cáo C mức án cao hơn bị cáo H. Đối với tội ma bán trái phép chất ma túy, bị cáo K có nhân thân xấu, đã bị kết án, có tiền án nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo do vậy, cần phải xử bị cáo với một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách khoan hồng của Nhà nước ta, tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo sớm trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lê Xuân K kiếm lời từ việc mua bán trái phép chất ma túy lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị. Bản thân bị cáo trước khi phạm tội là lao động duy nhất phải một mình chăm sóc bố già yếu (79 tuổi) và con nhỏ nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Trần Văn C và Nguyễn Văn H không kiếm lợi từ việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

[7] Về vật chứng:

[7.1] Số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy. Đối với các dụng cụ các bị cáo sử dụng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Đối với: 01 xe mô tô nhãn hiệu ANGEL, sơn màu đen xám, BKS 17B1-678.73 là phương tiện Trần Văn C dùng để đi mua ma túy. Quá trình điều tra, xác

định chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu của anh Vũ Đình D, anh D không biết việc C sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho anh D và 01 xe mô tô nhãn hiệu VESPA, sơn màu đỏ, gắn biển kiểm soát 17B6-183.11 là phương tiện Lê Xuân K sử dụng để đi bán ma túy cho Trần Văn C. Qua điều tra xác định, chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu của anh Bùi Văn Hoàng, anh Hoàng không biết K sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT C an tỉnh Hưng Yên ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho anh Hoàng.

[7.3] Đối với 03 chiếc điện thoại thu giữ của 03 bị cáo là C cụ phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc trao đổi việc sử dụng mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7.4] Truy thu của Lê Xuân K số tiền 500.000 đồng là số tiền bị cáo thu lời bất chính từ việc bán ma túy để sung quỹ nhà nước.

[8] Về Nguồn gốc số ma túy Lê Xuân K đã bán cho Trần Văn C ngày 08/12/2025 và 01 phần cất giấu để bán là K mua của người đàn ông khoảng 40 tuổi, không rõ tên, địa chỉ, đặc điểm nhận dạng tại khu vực cầu Phao, sông Hóa thuộc thôn Vạn Đồn, xã Đ, tỉnh Hưng Yên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[9] Hành vi sử dụng ma túy của Lê Xuân K vào ngày 07/12/2025 tại nhà ở thuộc thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên: qua xác minh, điều tra K không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 mà phạm vào khoản 1 Điều 24 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội nên Cơ quan CSĐT C an tỉnh Hưng Yên đã ra C văn cHển C an xã T xem xét xử lý theo thẩm quyền.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Xuân K phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn H phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Xuân K 04 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.2 Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn C 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2.3 Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

3.1. Tịch thu tiêu huỷ:

- 0,1415 gam ma túy, loại Methamphetamine và toàn bộ bao gói quản lý của Trần Văn C trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 1887/KL-KTHS, ký hiệu mẫu M1 của Phòng Kỹ thuật hình sự - C an tỉnh Hưng Yên.

- 0,1712 gam ma túy, loại Methamphetamine và toàn bộ bao gói quản lý của Lê Xuân K trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 1887/KL-KTHS, ký hiệu mẫu M6 của Phòng Kỹ thuật hình sự - C an tỉnh Hưng Yên.

- 01 ống thủy tinh trong suốt một đầu hình cầu có lỗ tròn thu giữ tại phòng ngủ của Trần Văn C trong phòng trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 1887/KL-KTHS, ký hiệu mẫu M2 của Phòng Kỹ thuật hình sự - C an tỉnh Hưng Yên.

- 02 chiếc bật lửa gas bằng nhựa trong đó 01 chiếc đầu ra gas gắn 01 ống có một đầu bằng kim loại, một đầu bằng nhựa.

- 01 vỏ chai bằng nhựa trong suốt, 01 nắp chai bằng nhựa màu trắng, mặt nắp có đục 02 lỗ trong đó có 01 lỗ gắn ống hút màu trắng.

3.2. Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Note13, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 861955076774861, IME2: 861955076774879 thu của Lê Xuân K.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Note20 5G, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 355347589072962 thu của Trần Văn C.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, vỏ màu tím đã qua sử dụng, số IMEI 1: 354828354946309, IMEI 2: 354828354475192 thu của Nguyễn Văn H.

*(Có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản tại Thi hành án tỉnh Hưng Yên).*

3.3 Truy thu của Lê Xuân K số tiền 500.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự các bị cáo và anh Vũ Đình D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày

tuyên án sơ thẩm 08/5/2026. Anh Bùi Văn Hoàng vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*.

***Nơi nhận:***
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên.
- Cơ quan điều tra, Cơ quan THAHS C an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam số 2 C an tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Văn Vương**